TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2023/QĐST-DS	*Thành phố B, ngày 18 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1979;

Thường trú: số G, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994; địa chỉ nơi làm việc: ấp C, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Theo văn bản ủy quyền ngày 16/02/2023.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Văn Tthuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; địa chỉ nơi làm việc: ấp C, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre .

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962;

Thường trú: số C khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông **Lê Trung K**, sinh năm 1961;

Thường trú: số D, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Cùng cư trú: số C khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Bà Trương Thị X, sinh năm 1958; cư trú: số X đường Y, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2023.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trung K: Ông Trần Trung N, sinh năm 1993; cư trú: số X đường Y, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2023.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Trung K có nghĩa vụ liên đới trả bà Lê Thị L số tiền gốc 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị L không yêu cầu tính lãi của số tiền nêu trên đến ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (được giảm 50%) với số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Trung K tự nguyện liên đới chịu án phí với số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng. Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị T và ông Lê Trung K là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí với số tiền 2.750.000 (hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Trung K có nghĩa vụ liên đới nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 2.750.000 (hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Lê Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.865.000 (năm triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002641 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (3b) ;
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HSVA, VP (4b).

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như